

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 32

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở nấu tôm tươi, bí ngòi, giá, ngò gai, húng quế
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá tai tượng chiên mắm tỏi, hành lá
- Canh khoai tây, bắp mỳ nấu thịt heo, ngò rí
Xế: Nước chanh dây
Xế chiều: Miến thịt gà, su hào, cà rốt, nấm bào ngư, rau răm, tiêu, hành lá

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
10	0645	Bánh phở khô	400	8,800	35,200
11	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	200	6,510	13,020
12	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
13	0158	Rau húng	50	11,030	5,515
14	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
15	0424	Tôm sú	600	36,020	216,120
16	0007	Ngô bắp tươi	400	4,200	16,800
18	0037	Khoai tây	700	3,990	27,930
19	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,480	92,400
20	0637	Cá tai tượng	2,800	14,280	399,840
21	0662	Chanh dây	500	5,780	28,900
22	0038	Miến dong	400	5,390	21,560
23	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
24	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130
25	0170	Rau răm	20	4,940	988
26	0178	Su hào	200	5,250	10,500
27	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
28	0457	Sữa bột toàn phần	616.23	20,500	126,327
Tổng chợ					1,184,000

Tổng tiền thực phẩm	1,184,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,184,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	20,387,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	20,386,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan